



DONG DUONG

CÔNG TY ĐÁU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trụ sở chính: Số 14A đường Phan Đăng Lưu, Quy Nhơn
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-DD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com

Số: 344 /TBĐGTS-ĐD

Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO ĐÁU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 28/2024/HĐDV ngày 12/4/2024 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn và Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

Nay Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương ban hành thông báo đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở, cụ thể như sau:

1. Tài sản đấu giá:

- 68 lô đất ở tại các điểm, khu dân cư phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 59 lô đất ở tại khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 56 lô đất ở tại khu dân cư Đông Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 50 lô đất ở tại các điểm, khu dân cư phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 17 lô đất ở tại các điểm, khu dân cư xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 17 lô đất ở tại khu dân cư phía Tây Chùa Bửu Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 12 lô đất ở tại khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 11 lô đất ở tại điểm dân cư xen kẹt Đám Hào, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị (phường) và đất ở tại nông thôn (xã);

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

Hạ tầng kỹ thuật: Được xây dựng theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Đính kèm Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn

Địa chỉ: Số 75 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản: 454.931.229.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi có tài sản đấu giá đang tọa lạc.

5. Ký hiệu, vị trí, tên đường, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất; Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước và tiền hồ sơ tham gia đấu giá, nộp phiếu trả giá, tổ chức cuộc đấu giá: Đính kèm theo bảng chi tiết.

6. Địa điểm nộp khoản tiền đặt trước: Tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- Tài khoản số: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 402034433100003 tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 4309201002513 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 5587798888 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 1135799999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 019295560001 tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 22222396868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Định.

7. Trường hợp có sự thay đổi ngày giờ, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá thì sẽ có thông báo cụ thể.

8. Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

9. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, bán riêng từng lô đất.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là Hộ gia đình, Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai và không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

* Người tham gia đấu giá phải nộp 01 bộ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- 01 Giấy đăng ký và cam kết tham gia đấu giá (theo mẫu). Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ thông tin, ghi lô đất, khu đất, địa điểm tọa lạc của lô đất đấu giá...;

- 01 Bản phô tô thẻ căn cước công dân;

- 01 Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền đã quy định, người tham gia đấu giá phải nộp hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước không ghi lô đất đấu giá mà chỉ ghi “*nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá đất An Nhơn*”;

+ Đối với trường hợp chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

+ Đối với trường hợp người khác nộp tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung nộp tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất;

- 01 Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Người tham gia đấu giá được nộp trực tiếp bằng tiền mặt (tại địa điểm đăng ký tham gia đấu giá hoặc nộp ngân hàng) hoặc chuyển khoản vào tài khoản, có thể nộp riêng cho từng lô đất hoặc cộng nộp chung cho nhiều lô đất tham gia đấu giá;

+ Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá không ghi lô đất đấu giá;

- 01 Phiếu trả giá gián tiếp, cụ thể:

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải bỏ vào bì thư đựng phiếu bảo mật, phải dán kín bằng keo dán và phải ký tại mép dán của bì thư;

+ Cách trả giá như sau: Giá sử lô đất có giá khởi điểm là 500.000.000 đồng, bước giá là 17.000.000 đồng. Người tham gia đấu giá chọn một trong hai cách ghi phiếu trả giá sau đây:

Hoặc là chọn cách 1 trả giá ghi theo bước giá thì ghi vào phiếu trả giá: “01 bước, bằng chữ: Một bước” hoặc “02 bước, bằng chữ: Hai bước” hoặc... ..; trường hợp nếu ghi “0 bước” hay “không bước” thì phiếu trả giá không hợp lệ, bị loại;

Hoặc là chọn cách 2 trả giá ghi theo số tiền thì ghi vào phiếu trả giá: “500.000.000 đồng, bằng chữ: Năm trăm triệu đồng hoặc giá khởi điểm” hoặc “517.000.000 đồng, bằng chữ: Năm trăm mười bảy triệu đồng” hoặc... ..;

Trường hợp nếu hồ sơ không tuân thủ đầy đủ các nội dung nêu trên thì không hợp lệ và bị loại không được tham gia cuộc đấu giá;

* Giá trúng đấu giá phải cao hơn giá khởi điểm ít nhất là một bước giá (tròn bước giá);

* Điều kiện về mối quan hệ: Trong một lô đất, những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chỉ được một Cá nhân tham gia đấu giá. Trường hợp vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật;

* Về ủy quyền tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá phải tự mình hoặc ủy quyền cho người khác tham gia đấu giá bằng văn bản phải có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

* Điều kiện để người tham gia đấu giá được vào địa điểm tổ chức cuộc đấu giá như sau:

- Phải xuất trình bản chính Giấy tờ tùy thân có dán ảnh;
- Phải xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền (nếu là người được ủy quyền);

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương để biết các thông tin liên quan về việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thị xã An Nhơn;
- UBND các xã, phường nơi có đất đấu giá;
- Niêm yết, lưu hs, Cty ...

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hùng

**BẢNG CHI TIẾT ĐẦU GIÁ QSDD Ở
TẠI CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN**
(Kèm theo Thông báo đầu giá tài sản số: 344/TBDGTS-ĐD ngày 12/4/2024)

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
I. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 12/5/2024 (Các điểm, khu dân cư phường Bình Định)									
1. Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng									
1.1. Khu NOLK01									
1	6	Đường D3	16	113,97	11.500.000	1.310.655.000	262.131.000	500.000	40.000.000
2	7	Đường D3	16	119,95	11.500.000	1.379.425.000	275.885.000	500.000	42.000.000
3	8	Đường D3	16	125,92	11.500.000	1.448.080.000	289.616.000	500.000	44.000.000
4	9	Đường D3	16	131,90	11.500.000	1.516.850.000	303.370.000	500.000	46.000.000
5	10	Đường D3	16	137,87	11.500.000	1.585.505.000	317.101.000	500.000	48.000.000
6	11	Đường D3	16	143,85	11.500.000	1.654.275.000	330.855.000	500.000	50.000.000
7	12	Đường D3	16	149,82	11.500.000	1.722.930.000	344.586.000	500.000	52.000.000
8	13 (Lô góc)	Đường N8 Đường D3	16 16	246,57	13.800.000	3.402.666.000	680.533.200	500.000	103.000.000
9	14	Đường N8	16	148,16	11.500.000	1.703.840.000	340.768.000	500.000	52.000.000
10	15	Đường N8	16	136,45	11.500.000	1.569.175.000	313.835.000	500.000	48.000.000
11	16	Đường N8	16	124,74	11.500.000	1.434.510.000	286.902.000	500.000	44.000.000
12	17 (Lô góc)	Đường D1 Đường N8	19 16	186,73	15.600.000	2.912.988.000	582.597.600	500.000	88.000.000
13	18	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
14	19	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
15	20	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
16	21	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
17	22	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
18	23	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
19	24	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
20	25	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
21	26	Đường D1	19	125,00	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000
1.2. Khu NOLK03									
22	9	Đường N9	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
1.3. Khu NOLK04									
23	19 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường D3	16	100,00	12.650.000	1.265.000.000	253.000.000	500.000	38.000.000
24	20	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
25	21	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
26	22	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
27	23	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
28	24	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000

18/12/2024 P. 4.01.1

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
29	25	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
30	26	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
31	27	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
32	28	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
33	29	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
34	30	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
35	31	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000
36	47	Đường D3	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000

2. Điểm quy hoạch dân cư giáp nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu

2.1. Khu A

1	18 (Lô góc)	Đường QH DS2 Đường QH DS3	14 14	137,90	4.800.000	661.920.000	132.384.000	500.000	23.000.000
2	19	Đường QH DS3	14	124,60	4.000.000	498.400.000	99.680.000	200.000	17.000.000
3	23	Đường QH DS3	14	181,10	4.000.000	724.400.000	144.880.000	500.000	25.000.000
4	24	Đường QH DS3	14	211,10	4.000.000	844.400.000	168.880.000	500.000	29.000.000
5	25	Đường QH DS3	14	190,80	4.000.000	763.200.000	152.640.000	500.000	26.000.000
6	26	Đường QH DS1	14	141,00	4.000.000	564.000.000	112.800.000	500.000	19.000.000
7	31 (Lô góc)	Đường QH DS1 Đường QH DS3	14 14	227,80	4.800.000	1.093.440.000	218.688.000	500.000	33.000.000

2.2. Khu B

8	12 (Lô góc)	Đường QH DS1 Đường QH DS3	14 14	138,10	4.800.000	662.880.000	132.576.000	500.000	23.000.000
---	-------------	------------------------------	----------	--------	-----------	-------------	-------------	---------	------------

3. Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm (Khu NP - TM2)

1	1 (Lô góc)	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh) Đường QH DS 11	56 20,5	782,34	21.600.000	16.898.544.000	3.379.708.800	500.000	507.000.000
2	2	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
3	3	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
4	4	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
5	5	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
6	6	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
7	7	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
8	8	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
9	9	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
10	10	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
11	11	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
12	12	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	300,00	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000
13	13 (Lô góc)	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh) Đường QH ĐS 1	56 20	347,39	21.600.000	7.503.624.000	1.500.724.800	500.000	226.000.000
14	14 (Lô góc)	Đường QH ĐS7 Đường QH ĐS1	20,5 20	321,57	15.600.000	5.016.492.000	1.003.298.400	500.000	151.000.000
15	15	Đường QH ĐS7	20,5	278,31	13.000.000	3.618.030.000	723.606.000	500.000	109.000.000
16	16	Đường QH ĐS7	20,5	278,16	13.000.000	3.616.080.000	723.216.000	500.000	109.000.000
17	17	Đường QH ĐS7	20,5	278,01	13.000.000	3.614.130.000	722.826.000	500.000	109.000.000
18	18	Đường QH ĐS7	20,5	277,87	13.000.000	3.612.310.000	722.462.000	500.000	109.000.000
19	19	Đường QH ĐS7	20,5	277,72	13.000.000	3.610.360.000	722.072.000	500.000	109.000.000
20	20	Đường QH ĐS7	20,5	277,57	13.000.000	3.608.410.000	721.682.000	500.000	109.000.000
21	21	Đường QH ĐS7	20,5	277,42	13.000.000	3.606.460.000	721.292.000	500.000	109.000.000
22	22	Đường QH ĐS7	20,5	277,27	13.000.000	3.604.510.000	720.902.000	500.000	109.000.000
23	23	Đường QH ĐS7	20,5	277,12	13.000.000	3.602.560.000	720.512.000	500.000	109.000.000
24	24 (Lô góc)	Đường QH ĐS7 Đường QH ĐS11	20,5 20,5	641,25	15.600.000	10.003.500.000	2.000.700.000	500.000	301.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:
- + Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 09/5/2024;
- + Tại số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 08/5/2024 đến 16 giờ ngày 09/5/2024;
- Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 09/5/2024;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 09/5/2024;
- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/5/2024;
- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (gần Công viên nước An Nhơn).